

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-33
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 10 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		84,926,520,693	88,267,120,601
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23,141,672,549	14,717,528,066
111	1. Tiền		15,141,672,549	7,717,528,066
112	2. Các khoản tương đương tiền		8,000,000,000	7,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16,200,000,000	21,700,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		16,200,000,000	21,700,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28,374,712,490	34,399,560,254
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	26,516,919,688	30,083,407,868
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		451,882,680	73,321,543
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	300,000,000	4,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1,131,910,122	268,830,843
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26,000,000)	(26,000,000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	16,650,295,314	16,957,424,241
141	1. Hàng tồn kho		16,650,295,314	16,957,424,241
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		559,840,340	492,608,040
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	559,840,340	492,608,040
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		119,647,380,620	117,819,315,100
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20,500,000,000	15,000,000,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	20,500,000,000	15,000,000,000
220	II. Tài sản cố định		20,390,491,870	31,872,228,149
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	15,908,179,199	27,265,210,286
222	- Nguyên giá		49,575,605,542	86,711,530,699
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33,667,426,343)	(59,446,320,413)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4,482,312,671	4,607,017,863
228	- Nguyên giá		6,777,087,997	6,874,587,997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,294,775,326)	(2,267,570,134)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	32,120,243,115	33,081,579,879
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20,336,729,074)	(19,375,392,310)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3,005,374,228	2,403,498,771
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3,005,374,228	2,403,498,771
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	42,786,849,108	34,822,329,200
251	1. Đầu tư vào công ty con		39,364,519,908	30,000,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1,400,000,000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		844,422,299	639,679,101
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	844,422,299	639,679,101
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204,573,901,313	206,086,435,701

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10,903,152,465	7,917,541,364
310	I. Nợ ngắn hạn		10,903,152,465	7,917,541,364
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2,104,623,224	2,936,834,492
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		566,665,086	416,147,086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	398,100,801	541,424,427
314	4. Phải trả người lao động		308,447,000	897,485,000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	6,493,596,576	3,063,096,154
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,031,719,778	62,554,205
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		193,670,748,848	198,168,894,337
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	193,670,748,848	198,168,894,337
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	1,758,775,074
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,565,243,104	6,548,471,380
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>1,651,197,480</i>	<i>1,697,643,513</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>(85,954,376)</i>	<i>4,850,827,867</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204,573,901,313	206,086,435,701


Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	34,142,352,966	39,976,540,791
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	39,031,200	7,060,800
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		34,103,321,766	39,969,479,991
11	4. Giá vốn hàng bán	22	30,831,736,520	34,813,896,733
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3,271,585,246	5,155,583,258
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2,133,376,149	1,272,426,107
22	7. Chi phí tài chính	24	1,454,021,413	236,938,757
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>993,493</i>	<i>129,771,644</i>
25	8. Chi phí bán hàng	25	765,379,264	906,514,204
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3,268,134,430	3,886,851,873
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(82,573,712)	1,397,704,531
31	11. Thu nhập khác		2,550,000	-
32	12. Chi phí khác		5,930,664	1,209,931
40	13. Lợi nhuận khác		(3,380,664)	(1,209,931)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(85,954,376)	1,396,494,600
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(85,954,376)	1,396,494,600



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(85,954,376)	1,396,494,600
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4,009,065,684	4,398,703,344
03	- Các khoản dự phòng		1,400,000,000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1,813,777	51,824,145
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,106,886,961)	(1,127,125,338)
06	- Chi phí lãi vay		993,493	129,771,644
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3,219,031,617	4,849,668,395
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3,192,398,993	(211,148,605)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		307,128,927	7,397,201,639
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1,442,915,001)	431,962,374
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,037,405,316)	(269,246,374)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(993,493)	(129,771,644)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,000,000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4,236,245,727	12,068,665,785
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(751,430,006)	(2,628,539,162)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2,550,000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6,500,000,000)	(29,400,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10,200,000,000	15,200,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,236,785,732	892,125,338
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4,187,905,726	(15,936,413,824)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1,899,999,991	1,990,361,700
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1,899,999,991)	(8,249,358,854)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3,325,187,160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(9,584,184,314)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8,424,151,453	(13,451,932,353)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14,717,528,066	36,743,669,899
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6,970)	101,051
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>23,141,672,549</u>	<u>23,291,838,597</u>





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc. Điều này dẫn đến giá trị Tài sản cố định giảm nhiều, đồng thời giá trị khoản đầu tư vào Công ty con cũng tăng lên tương ứng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp In Tổng hợp Alta
Xí nghiệp In Đa Phương Tiện
Trung tâm giải trí, rạp Cinemax
Trung tâm Tiệc Cưới & Giải Trí Unique

Địa chỉ

TP Hồ Chí Minh
TP Hồ Chí Minh
TP Hồ Chí Minh
TP Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

In ấn
In ấn, sản xuất phim
TT giải trí, rạp 3D-4D
Dịch vụ tổ chức tiệc cưới và giải trí

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
--------------------------	-------------

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: Hàng bán bị trả lại. Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	6,940,991,986	3,235,416,597
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,200,680,563	4,482,111,469
Các khoản tương đương tiền	8,000,000,000	7,000,000,000
	<u>23,141,672,549</u>	<u>14,717,528,066</u>

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có số dư 8.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	16,200,000,000	16,200,000,000	21,700,000,000	21,700,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	16,200,000,000	16,200,000,000	21,700,000,000	21,700,000,000
	16,200,000,000	16,200,000,000	21,700,000,000	21,700,000,000

Tại ngày 30/06/2017, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	39,364,519,908	(1,400,000,000)	30,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20,000,000,000	(1,400,000,000)	20,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (*)	19,364,519,908	-	10,000,000,000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	122,329,200	-	122,329,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	44,186,849,108	(1,400,000,000)	34,822,329,200	-

(*): Trong kỳ, Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	1,354,661,000	5,839,570,644
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	19,360,886,335	18,035,996,014
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2,264,545,672	3,516,136,080
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3,536,826,681	2,691,705,130
	26,516,919,688	30,083,407,868

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Ông Phạm Đức Minh	-	4,000,000,000
- Bà Nguyễn Thị Xuân (1)	300,000,000	-
	300,000,000	4,000,000,000
b) Phải thu về cho vay dài hạn		
- Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch Vụ Truyền Thông Âu Lạc (2)	15,000,000,000	15,000,000,000
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc (3)	5,500,000,000	-
	20,500,000,000	15,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Bà Nguyễn Thị Xuân với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Mua nhà;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 5,3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 300.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu
- + Tổng số tiền cho vay: 5.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 5.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	428,957,895	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	668,574,167	-	229,980,833	-
Ký cược, ký quỹ	5,000,000	-	-	-
Phải thu khác	29,378,060	-	38,850,010	-
	1,131,910,122	-	268,830,843	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	-
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ LTT	-	-	570,512,033	570,512,033
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Quang Minh	900,000	900,000	900,000	900,000
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44,911,543	44,911,543	44,911,543	44,911,543
- Các khoản khác	14,054,000	14,054,000	14,054,000	14,054,000
	85,865,543	59,865,543	656,377,576	630,377,576

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13,922,792,224	-	13,350,026,524	-
Công cụ, dụng cụ	185,335,566	-	342,263,606	-
Thành phẩm	1,110,394,853	-	1,277,855,859	-
Hàng hoá	1,431,772,671	-	1,987,278,252	-
	16,650,295,314	-	16,957,424,241	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	3,005,374,228	2,403,498,771
- Mua sắm căn hộ (*)	3,005,374,228	2,403,498,771
	3,005,374,228	2,403,498,771

(*): Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	26,210,929,898	55,314,247,295	4,420,485,246	659,610,160	106,258,100	86,711,530,699
- Mua trong kỳ	-	149,554,549	-	-	-	149,554,549
- Thanh lý, nhượng bán	(756,739,600)	(633,125,440)	-	(35,403,636)	-	(1,425,268,676)
- Góp vốn vào Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	(5,492,001,785)	(30,261,951,145)	-	-	(106,258,100)	(35,860,211,030)
Số dư cuối kỳ	19,962,188,513	24,568,725,259	4,420,485,246	624,206,524	-	49,575,605,542
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16,420,958,162	40,610,817,979	1,822,493,261	499,075,191	92,975,820	59,446,320,413
- Khấu hao trong kỳ	700,311,975	1,887,465,273	245,822,010	84,997,050	4,427,420	2,923,023,728
- Thanh lý, nhượng bán	(756,739,600)	(633,125,440)	-	(35,403,636)	-	(1,425,268,676)
- Góp vốn vào Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	(3,771,038,731)	(23,408,207,151)	-	-	(97,403,240)	(27,276,649,122)
Số dư cuối kỳ	12,593,491,806	18,456,950,661	2,068,315,271	548,668,605	-	33,667,426,343
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9,789,971,736	14,703,429,316	2,597,991,985	160,534,969	13,282,280	27,265,210,286
Tại ngày cuối kỳ	7,368,696,707	6,111,774,598	2,352,169,975	75,537,919	-	15,908,179,199

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.553.808.140 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	636,702,904	6,874,587,997
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97,500,000)	(97,500,000)
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	539,202,904	6,777,087,997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,680,867,214	586,702,920	2,267,570,134
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	49,999,984	124,705,192
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97,500,000)	(97,500,000)
Số dư cuối kỳ	1,755,572,422	539,202,904	2,294,775,326
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,557,017,879	49,999,984	4,607,017,863
Tại ngày cuối kỳ	4,482,312,671	-	4,482,312,671

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2017 là 20.336.729.074 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 961.336.764 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	559,840,340	492,608,040
	559,840,340	492,608,040
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	625,510,879	322,821,968
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	176,796,031	232,626,355
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm Thương mại - Alta Plaza	42,115,389	84,230,778
	844,422,299	639,679,101

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Lê Trần LED Display Sourcing (HK) Co. Ltd	303,869,544	303,869,544	370,707,150	370,707,150
Công ty TNHH Màng Bao Bì Vinh Nam Phát	-	-	1,158,212,599	1,158,212,599
Guangzhou Fu De Lu Trading Co., ltd	250,622,800	250,622,800	250,622,800	250,622,800
Xinhengjia Supply Chain (HK) Co.,	244,296,648	244,296,648	246,961,098	246,961,098
Phải trả các đối tượng khác	742,643,811	742,643,811	-	-
	563,190,421	563,190,421	910,330,845	910,330,845
	2,104,623,224	2,104,623,224	2,936,834,492	2,936,834,492

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	532,300,527	1,562,208,469	1,705,565,795	-	388,943,201
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	41,581,343	41,581,343	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	9,123,900	39,190,792	39,157,092	-	9,157,600
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1,479,546	1,479,546	-	-
Các loại thuế khác	-	-	45,002,605	45,002,605	-	-
	-	541,424,427	1,689,462,755	1,832,786,381	-	398,100,801

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	617,400	24,870,700
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,868,196,872	1,868,196,872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,470,516,680	28,491,140
- Quỹ phải trả người lao động	1,133,287,442	1,133,287,442
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20,978,182	8,250,000
	6,493,596,576	3,063,096,154

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	5,702,083,983	197,041,387,975
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	1,396,494,600	1,396,494,600
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	281,118,965	(4,004,440,470)	(3,723,321,505)
Số dư cuối kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	3,094,138,113	194,714,561,070
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	6,548,471,380	198,168,894,337
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(85,954,376)	(85,954,376)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	485,082,787	(4,897,273,900)	(4,412,191,113)
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	1,565,243,104	193,670,748,848

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2017 ngày 14/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận còn lại được phân phối năm 2016	100.00%	5,795,920,627
Trích Quỹ đầu tư phát triển	8.37%	485,082,787
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.74%	970,165,573
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	59.39%	3,442,025,540
Lợi nhuận chưa phân phối	15.50%	898,646,727

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5.76%	3,558,630,000	5.76%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Cổ đông khác	43.66%	26,949,810,000	43.66%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.06%	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000
	100%	61,725,230,000	100%	61,725,230,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3,442,025,540	3,442,202,540
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	3,442,025,540	3,442,202,540

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	1,758,775,074
	2,243,857,861	1,758,775,074

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	342.49	349.08

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	22,323,281,910	27,971,283,803
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,819,071,056	12,005,256,988
	34,142,352,966	39,976,540,791

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	39,031,200	7,060,800
	39,031,200	7,060,800

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3,300,316,439	3,842,962,205
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18,733,528,922	23,614,270,872
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8,797,891,159	7,356,663,656
	30,831,736,520	34,813,896,733

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,675,379,066	892,125,338
Cổ tức, lợi nhuận được chia	428,957,895	235,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29,039,188	145,300,769
	2,133,376,149	1,272,426,107

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	993,493	129,771,644
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	51,214,143	55,342,968
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1,813,777	51,824,145
Dự phòng tổn thất đầu tư	1,400,000,000	-
	1,454,021,413	236,938,757

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	123,146,640	224,885,400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	277,835,754	182,995,160
Chi phí khác bằng tiền	364,396,870	498,633,644
	765,379,264	906,514,204

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191,334,741	115,618,347
Chi phí nhân công	1,661,945,340	1,987,305,965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610,185,202	679,329,189
Thuế, phí, lệ phí	54,123,810	55,721,702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	506,075,490	842,091,152
Chi phí khác bằng tiền	244,469,847	206,785,518
	3,268,134,430	3,886,851,873

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(85,954,376)	1,396,494,600
Các khoản điều chỉnh giảm	(428,957,895)	(1,396,494,600)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(428,957,895)	(235,000,000)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(1,161,494,600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(514,912,271)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,225,579,954	2,157,303,518
Chi phí nhân công	3,398,596,782	2,815,857,096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,009,065,684	4,398,703,344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,816,501,549	3,663,109,577
Chi phí khác bằng tiền	2,554,282,391	1,921,653,442
	16,004,026,360	14,956,626,977

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,141,672,549	-	-	23,141,672,549
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27,622,829,810	-	-	27,622,829,810
Các khoản cho vay	37,000,000,000	-	-	37,000,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	87,764,502,359	122,329,200	-	87,886,831,559
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,717,528,066	-	-	14,717,528,066
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30,326,238,711	-	-	30,326,238,711
Các khoản cho vay	40,700,000,000	-	-	40,700,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	85,743,766,777	122,329,200	-	85,866,095,977

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	8,598,219,800	-	-	8,598,219,800
	8,598,219,800	-	-	8,598,219,800
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	5,999,930,646	-	-	5,999,930,646
	5,999,930,646	-	-	5,999,930,646

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,284,250,710	11,819,071,056	34,103,321,766
Chi phí bộ phận trực tiếp	22,033,845,361	8,797,891,159	30,831,736,520
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	250,405,349	3,021,179,897	3,271,585,246
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	751,430,006	751,430,006
Tài sản bộ phận trực tiếp	133,675,427,187	70,898,474,126	204,573,901,313
Tổng tài sản	133,675,427,187	70,898,474,126	204,573,901,313
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7,124,484,375	3,778,668,090	10,903,152,465
Tổng nợ phải trả	7,124,484,375	3,778,668,090	10,903,152,465

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017